

Số: 02/2023/QĐST-VDS
Ngày 19-7-2023

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần giải quyết việc dân sự sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:*** Bà Nguyễn Thị Kim Thoa
- ***Thư ký phiên họp:*** Bà Phan Thị Bích Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên họp:*** Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 04/2023/TLST-VDS ngày 14 tháng 6 năm 2023 về “*Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2023/QĐST-VDS ngày 10 tháng 7 năm 2023 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Trung T1, sinh năm 1952 (có mặt).
 - Bà Trầm Thị Thanh P, sinh năm 1958 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà P: Chị Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản uỷ quyền ngày 19/7/2023 (có mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Vào năm 1993 chị được vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Đ (chết) và bà Nguyễn Thị Cúc H xin chị từ người khác ở thành phố Hồ Chí Minh về nuôi, việc xin này không có làm giấy tờ nên không rõ cha mẹ ruột của chị là ai, ở đâu (không rõ họ tên, địa chỉ). Đến năm 1999 ông D, bà H có nhờ vợ chồng ông Nguyễn Trung T1 và bà Trầm Thanh P (Trầm Thị Thanh P) là người đỡ đầu nhận nuôi và đứng tên trong giấy khai sinh là cha mẹ để đảm bảo

giấy tờ thuận tiện cho chị đi học, sự việc được ông T1, bà P đồng ý nên ông D đi khai sinh cho chị tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C. Sau đó do điều kiện đi học nên chị vẫn sống chung với ông D, bà H tại ấp C, xã M, huyện C, không sống chung ông T1, bà P. Thực tế ông T1, bà P đồng ý là con nhận nuôi và đứng tên cha mẹ trong giấy khai sinh nhưng chỉ quan tâm, thăm hỏi, không trực tiếp nuôi dưỡng và không làm thủ tục nhận nuôi con nuôi theo quy định.

Nay chị đã thành niên vì điều kiện gia đình, công việc chị không sống chung ông Nguyễn Trung T1 và bà Trầm Thị Thanh P nên chị T tự nguyện yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi với ông T1, bà P để đảm bảo quyền lợi các bên về sau.

Ông Nguyễn Trung T1 trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của cháu Nguyễn Thị Thanh T, năm 1999 ông và bà P có đồng ý việc nhận cháu T là con nuôi và đứng tên trong giấy khai sinh cho cháu theo lời đề nghị của ông Nguyễn Ngọc D1 và bà Nguyễn Thị Cúc H (ông D1 là anh rể, bà H là chị ruột) để cháu T có giấy tờ hợp pháp thuận tiện việc đi học, ông và bà P không làm thủ tục nhận nuôi con nuôi theo quy định vì trước đó cháu T được ông D1, bà H xin cháu ở thành phố Hồ Chí Minh không rõ cha mẹ ruột là ai, không rõ địa chỉ của họ và việc xin cháu T về nuôi cũng không làm giấy tờ gì. Từ trước đến nay cháu T được ông D1, bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông và bà P chỉ quan tâm, thăm hỏi, không trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó nay ông thống nhất yêu cầu của cháu T chấm dứt việc nuôi con nuôi trên thực tế để đảm bảo quyền lợi của các bên.

Chị Nguyễn Thị Thanh T2 đại diện cho bà Trầm Thị Thanh P trình bày: Thống nhất trình bày của ông Nguyễn Trung T1 nội dung việc nuôi con nuôi đối với chị Nguyễn Thị Thanh T và nay thống nhất việc chấm dứt nuôi con nuôi theo yêu cầu của chị T, không có ý kiến gì khác.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp:

- Về trình tự thủ tục: Trong quá trình giải quyết việc dân sự từ khi thụ lý cho đến ngày quyết định mở phiên họp Thẩm phán và Thư ký phiên họp đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đúng quy định pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết việc dân sự: Sau khi phân tích nội dung và chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, căn cứ Điều 27, 29, 35, 39, 149, 361, 363, 365, 366, 370 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 10, 14, 22, 24, 25, 27 Luật nuôi con nuôi; Điều 78 của Luật hôn nhân và gia đình và Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh T về chấm dứt việc nuôi con nuôi với ông Nguyễn Trung T1 và bà Trầm Thị Thanh P. Về lệ phí giải quyết việc dân sự đề nghị buộc chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu là chị Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi với ông Nguyễn Trung T1 và bà Trầm Thị Thanh P, có nơi cư trú trên địa bàn huyện C. Căn cứ vào khoản 5 Điều 29, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật giải quyết là chấm dứt việc nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.

[2] Về nội dung yêu cầu: Chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày sự việc vào năm 1999 chị được ông Nguyễn Trung T1 và bà Trầm Thị Thanh P đồng ý nhận nuôi chị theo đề nghị của ông Nguyễn Ngọc D1 (hiện chết) và bà Nguyễn Thị Cúc H và đứng tên trong giấy khai sinh với mối quan hệ là cha mẹ của chị, cho chị có giấy tờ hợp pháp thuận tiện việc đi học, chỉ nhận nuôi theo thỏa thuận, không đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định pháp luật. Sau khi nhận nuôi do điều kiện đi học nên chị vẫn sống chung ông D1, bà H, còn ông T1, bà P chỉ quan tâm, thăm hỏi không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay chị đã thành niên vì hoàn cảnh sống và điều kiện công việc nên chị tự nguyện yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi trên thực tế. Sự việc được ông Nguyễn Trung T1 và bà Trầm Thị Thanh P xác nhận lời trình bày của chị T đúng sự thật về mối quan hệ cha mẹ nhận nuôi con nuôi trên thực tế, các bên không thực hiện quyền, nghĩa vụ của cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi với nhau; do đó ông T1, bà P đồng ý chấm dứt việc nuôi con nuôi theo yêu cầu của chị T.

Xét việc nuôi con nuôi được các bên thừa nhận trên thực tế. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên sự việc không cần phải chứng minh.

Chị T là người đã thành niên có yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với cha nuôi là ông Nguyễn Trung T1 và mẹ nuôi là bà Trầm Thị Thanh P, được ông T1, bà P đồng ý. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của các bên thỏa thuận chấm dứt việc nuôi con nuôi là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 26, Điều 27 của Luật nuôi con nuôi và Điều 78 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Căn cứ Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 27; khoản 1 Điều 35, 39, 149, 365, 370 của Bộ luật

tổ tụng dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 78 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 26, Điều 27 của Luật nuôi con nuôi.

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của chị Nguyễn Thị Thanh T.

Tuyên bố chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa cha nuôi là ông Nguyễn Trung T1 và mẹ nuôi là bà Trầm Thị Thanh P đối với con nuôi là chị Nguyễn Thị Thanh T.

Quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi là ông Nguyễn Trung T1 và bà Trầm Thị Thanh P và con nuôi là Nguyễn Thị Thanh T chấm dứt kể từ ngày quyết định chấm dứt việc nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0015837 ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Chị T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị:

+ Đương sự có mặt, được quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

+ Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án quy định của Luật thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN HỌP**

Nguyễn Thị Kim Thoa